

TRƯỜNG THCS CHI LĂNG
TỔ NGỮ VĂN

NỘI DUNG ÔN LUYỆN
(Tuần 35: 17/5 – 21/5)
Môn: NGỮ VĂN – Khối: 6

Nội dung 1: Viết đơn

I. Kiến thức

1. Cách thức viết đơn

a) Viết theo mẫu

Người viết chỉ cần điền vào chỗ trống những nội dung cần thiết. Chú ý đọc kỹ để trả lời cho đúng yêu cầu của từng mục trong đơn.

b) Viết không theo mẫu

Viết không theo mẫu vẫn phải trình bày theo một thứ tự nhất định. Người ta thường viết đơn theo các mục sau đây:

- Quốc hiệu, tiêu ngữ: Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
- Địa điểm làm đơn và ngày ... tháng ... năm ...
- Tên đơn: *Đơn xin ...*
- Nơi gửi: *Kính gửi: ...*
- Họ tên, nơi công tác hoặc nơi ở của người viết đơn.
- Trình bày sự việc, lí do và nguyện vọng (đề nghị).
- Cam đoan và cảm ơn.
- Kí tên.

2. Ghi nhớ

Đơn được viết ra giấy (theo mẫu hoặc không theo mẫu) để đề đạt một nguyện vọng với một người hay một cơ quan, tổ chức có quyền hạn giải quyết nguyện vọng đó.

Phải trình bày trang trọng, ngắn gọn và sáng sủa theo một số mục nhất định. Những nội dung bắt buộc trong đơn là: Đơn gửi ai? Ai gửi đơn? Gửi để đề đạt nguyện vọng gì?

3. Một số lưu ý

- Đơn từ không theo mẫu thường phải viết bằng tay, không nên dùng bản in.
- Tên đơn bao giờ cũng viết hoặc in bằng khổ chữ to.
- Khi viết đơn cần chú ý trình bày cho sáng sủa, cân đối: các phần *quốc hiệu – tiêu ngữ, tên đơn, kính gửi, nội dung đơn*, mỗi phần cách nhau 2 – 3 dòng, không viết sát lề giấy, không để phần trên hoặc phần dưới trang giấy khoảng trống quá lớn.
- Tên người (hoặc cơ quan, tổ chức) nhận đơn, tên người viết đơn, mục đích, lí do và nguyện vọng là phần quan trọng nhất của đơn; cần trình bày sự việc một cách rõ ràng, thành thực, lí do và nguyện vọng phải chính đáng.
- Đơn theo mẫu hay không theo mẫu đều có chung một số mục ở phần mở đầu và phần kết thúc đơn.

II. Luyện tập

Em hãy viết đơn gửi GVCN để xin phép nghỉ học.

Nội dung 2: Ôn tập dấu câu (Dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than, dấu phẩy)

I. Kiến thức

1. Công dụng của dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than

Thông thường, dấu chấm được đặt ở cuối câu trần thuật, dấu chấm hỏi đặt cuối câu nghi vấn và dấu chấm than đặt cuối câu cầu khiến, câu cảm thán.

Tuy vậy, có lúc người ta dùng dấu chấm ở cuối câu cầu khiến và đặt các dấu chấm hỏi, chấm than trong ngoặc đơn vào sau một ý hay một từ ngữ nhất định để biểu thị thái độ nghi ngờ hoặc châm biếm đối với ý đó hay nội dung của từ ngữ đó.

2. Công dụng của dấu phẩy

Dấu phẩy được dùng để đánh dấu ranh giới giữa các bộ phận của câu. Cụ thể là:

- Giữa các thành phần phụ của câu với chủ ngữ và vị ngữ;

- Giữa các từ ngữ có cùng chức vụ trong câu;
- Giữa một từ ngữ với bộ phận chú thích của nó;
- Giữa các vế của một câu ghép.

II. Luyện tập

Bài tập 1: Đặt các dấu chấm (.), dấu chấm hỏi (?), dấu chấm than (!) vào chỗ thích hợp có dấu ngoặc đơn.

a) Ôi thôi, chú mày ơi () Chú mày có lớn mà chẳng có khôn.

(Theo Tô Hoài)

b) Con có nhận ra con không ()

(Theo Tạ Duy Anh)

c) Cá ơi, giúp tôi với () Thương tôi với ()

(Theo Ông lão đánh cá và con cá vàng)

d) Giời chớm hè () Cây cối um tùm () Cả làng thơm ()

(Theo Duy Khánh)

e) Chị Cốc quát lớn:

- Mày nói gì ()

- Lạy chị, em nói gì đâu ()

Rồi Đé Choắt lủi vào ()

- Chối há () Chối này () Chối này ()

Mỗi câu “Chối này” chị Cốc lại giáng một mỏ xuống ()

(Theo Tô Hoài)

Bài tập 2: Đặt dấu phẩy (,) vào chỗ thích hợp.

a) Từ xưa đến nay Thánh Gióng luôn là hình ảnh rực rỡ về lòng yêu nước sức mạnh phi thường và tinh thần sẵn sàng chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam ta.

b) Buổi sáng sương muối phủ trắng cảnh cây bãi cỏ. Gió bắc hun hút thổi. Núi đồi thung lũng làng bản chìm trong biển mây mù. Mây bò trên mặt đất tràn vào trong nhà quần lấy người đi đường.

(Theo Tập đọc lớp 5, 1980)